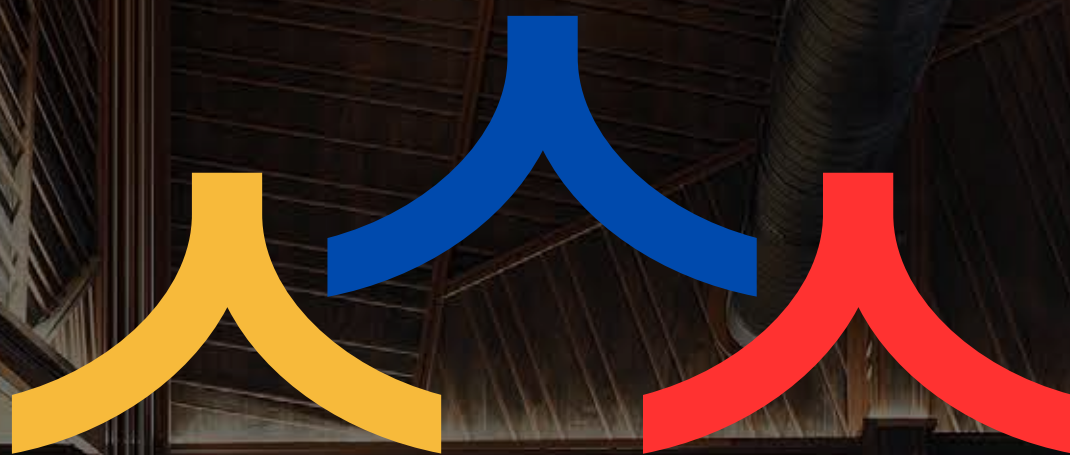




# SOBOK SOBOK

• 소복소복 •

所有價格需加收適用之增值稅及 5% 服務費  
Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT được qui định và 5% phí phục vụ



• SOBOK SIGNATURE •



# 頂級套餐

THỰC ĐƠN CAO CẤP ( 2~3 人份 | Dành cho 2-3 Người)

選擇湯品: 泡菜湯 | 韓式大醬湯 | 辣豆腐湯

LỰA CHỌN CANH: KIM CHI | ĐẬU TƯƠNG | ĐẬU HŨ CAY

## 尊貴烤肉盒

FROM THE LAND - 2,490



和牛肉眼頂蓋, 武州, 日本  
CHÓP ĐẦU THĂN NGOẠI  
BÒ WAGYU, A5, NHẬT

和牛肉眼, 武州, 日本  
THĂN LÚNG BÒ WAGYU,  
A5, BUSHU, NHẬT

主廚精選和牛  
WAGYU THEO LỰA CHỌN  
CỦA ĐẦU BẾP

醃牛肋骨  
SƯỜN BÒ  
TẨM ƯỚP

牛腩肉片  
GÀU BÒ  
CẮT MỎNG





## 尊貴烤海鮮盒

FROM THE SEA - 1,650

鮑魚

BÀO NGƯ

青口

VỆM XANH

虎蝦

TÔM SÚ

河鰻

CÁ CHÌNH SUỐI

章鱼

BẠCH TUỘC



# 套餐

## THỰC ĐƠN SET







# KOLICIOUS

2 PAX | 1,690

4 PAX | 2,820

◆ 五花腩片

BA CHỈ HEO CẮT MỎNG

◆ 韓式辣雞

GÀ SỐT CAY

◆ 板腱牛排

THỊT LỖI VAI BÒ

◆ 醃L.A牛排

SƯỜN BÒ L.A TẨM ƯỚP

◆ 牛腩肉片

GẦU BÒ CẮT MỎNG

選擇湯品: 泡菜湯 | 韓式大醬湯 | 辣豆腐湯

LỰA CHỌN CANH: KIM CHI | ĐẬU TƯƠNG | ĐẬU HŨ CAY



# 牛肉

## THỊT BÒ

### 日本和牛

#### WAGYU NHẬT BẢN

菲力 - A5, 200G  
THĂN NỘI  
2,500

西冷 - A5, 200G  
THĂN NGOẠI  
2,280

### 鹿兒島

#### KAMICHIKU

“Kamichiku和牛,指的是由日本鹿兒島縣Kamichiku農場專門飼養的和牛。Kamichiku以其可持續的養殖方式和高品質的薩摩牛 (Satsuma Gyu) 聞名,其中包括高端品牌“Satsuma Gyu 4% Miracle”。鹿兒島是日本主要的和牛產區之一, Kamichiku注重使用本地飼料和可持續農業,這些都促進了其牛肉的優良品質。”

“Kamichiku Wagyu, là loại thịt bò Wagyu được nuôi riêng bởi trang trại Kamichiku tại tỉnh Kagoshima, Nhật Bản. Kamichiku nổi tiếng với phương pháp canh tác bền vững và loại Wagyu Satsuma Gyu chất lượng cao, bao gồm thương hiệu cao cấp “Satsuma Gyu 4% Miracle”. Kagoshima là một trong những vùng sản xuất Wagyu lớn tại Nhật Bản, và việc Kamichiku tập trung sử dụng thức ăn địa phương cùng với nông nghiệp bền vững góp phần nâng cao chất lượng thịt bò của họ.”





肉眼 - A5, 200G  
THẦN LÚNG  
1,880





# 牛肉

## THỊT BÒ

肉眼 - A5, 200G  
THĂN LỨNG  
1,880



日本和牛  
WAGYU NHẬT BẢN

武州  
BUSHU

“Bushu Wagyu, 也稱為Bushu-Gyu或“武士牛肉”，是來自日本埼玉縣的優質和牛。由長谷川家族在其家族農場長谷川農場飼養。牛隻採用特殊飼料餵養，以其嫩度、濃郁風味和高理化紋理（大理石花紋）著稱。”

“Bushu Wagyu, còn được gọi là Bushu-Gyu hay “Thịt bò Samurai”, là loại thịt bò Wagyu cao cấp đến từ tỉnh Saitama, Nhật Bản. Loại bò này được gia đình Hasegawa nuôi tại trang trại gia đình Hasegawa Farms. Những con bò được nuôi bằng chế độ ăn đặc biệt và nổi tiếng với độ mềm mại, hương vị đậm đà cùng lớp mỡ vân cao.”



肉眼頂蓋 - A5, 200G  
CHÓP ĐẦU THĂN NGOẠI  
1,980





# 和牛肉眼 - 300G | 2,870

## THĂN LỨNG WAGYU

肉眼頂蓋, A5, BUSHU | 肉眼, A5, BUSHU | 肉眼, A5, KAMICHIKU  
CHÓP ĐẦU THĂN NGOẠI, A5, BUSHU | THĂN LỨNG, A5, BUSHU  
THĂN LỨNG, A5, KAMICHIKU



# 品嚐拼盤

## KHAY NƯỚNG TRẢI NGHIỆM





# 牛肉

## THỊT BÒ

白松露油腌牛肚 - 200G

BAO TỬ BÒ NƯỚNG

DẦU NẤM TRUFFLE TRẮNG

540

傳統腌牛肚 - 200G

BAO TỬ BÒ

ƯỚP SỐT TRUYỀN THỐNG

520







醃L.A牛排 - 300G  
SƯỜN BÒ L.A TẨM ƯỚP  
760



主廚特製 醃牛肋骨 - 300G  
SƯỜN BÒ ƯỚP SỐT NHÀ LÀM  
760

澳洲牛腩肉片 - 200G  
GÀU BÒ ÚC CẮT MỎNG  
560



# 豬肉

## THỊT HEO

醃排骨 - 250G  
SƯỜN HEO TẨM ƯỚP  
480

豬頸肉 - 200G  
THỊT NỌNG HEO  
480



五花腩 - 200G  
BA CHỈ HEO  
480

主廚精選 伊比利亞肩肉 - 200G   
DIÊM THẦN HEO IBERICO BẾP TRƯỞNG TUYỂN CHỌN  
720





虎蝦 - 200G

TÔM SÚ

430

魷魚片 - 200G

MỰC CẮT LÁT

450

青口, 8隻

VỆM XANH, 8 CON

410

鮑魚, 6隻

BÀO NGƯ, 6 CON

880

海鮮

HẢI SẢN



# 湯 MÓN CANH

辣豆腐湯

CANH ĐẬU HŨ CAY

280

大醬湯

CANH ĐẬU TƯƠNG

280

海藻湯 - 280 | 420 (牛肉 | 鮑魚 - THỊT BÒ | BÀO NGU)

CANH RONG BIỂN



自家製泡菜湯 

CANH KIMCHI NHÀ LÀM

280



韓式牛骨湯



CANH SƯỜN BÒ HÀN QUỐC

590

牛尾湯

CANH ĐUÔI BÒ

520

韓式辣牛肉湯

CANH BÒ CAY HÀN QUỐC

380



牛肋骨大白菜湯

CANH SƯỜN BÒ VÀ CẢI THẢO

750 | 1,380



餃子湯

CANH MANDU

280

明太魚乾湯

CANH CÁ MINH THÁI

260

人蔘雞湯 - 980 | 2,280

CANH GÀ HÂM NHÂN SÂM

傳統 | 海鮮 (章魚, 鮑魚, 青口)

TRUYỀN THỐNG | HẢI SẢN (BẠCH TUỘC, BÀO NGƯ, VỆM XANH)





韓式炒 - 320 | 320 | 300

MÓN XÀO HÀN QUỐC

牛肉 | 魷魚 | 豬肉 - THỊT BÒ | MỰC | THỊT HEO

韓式蒸蛋

TRÚNG HẤP HÀN QUỐC

150

烤鯖魚

CÁ THU NƯỚNG

260

主菜

MÓN CHÍNH



自家製煎餅 - 250 | 320

BÁNH XÈO NHÀ LÀM

泡菜 | 海鮮 - KIM CHI | HẢI SẢN





炒飯 - 250 | 280

CƠM CHIÊN

泡菜 | 海鮮

KIM CHI | HẢI SẢN

雜菜炒粉絲 - 250

MIẾN XÀO RAU CỦ

主廚特選牛肚炒飯 - 360

CƠM CHIÊN BAO TỬ BÒ ĐẶC BIỆT



石鍋拌飯 - 250 | 300

CƠM THỐ HÀN QUỐC

傳統 | 海鮮

TRUYỀN THỐNG | HẢI SẢN



紫菜包飯  
CƠM CUỘN  
HÀN QUỐC  
330

韓式拌麵  
MÌ TRỘN  
TRUYỀN THỐNG  
HÀN QUỐC  
250

韓式冷麵  
MÌ LẠNH  
HÀN QUỐC   
280  
湯 / 乾  
NƯỚC / TRỘN



海鮮拉麵  
MÌ RAMEN  
HẢI SẢN  
300





# 配菜

MÓN ĂN KÈM

炒小魚乾

CÁ CÓM  
XÀO KHÔ  
150

卷蛋

TRỨNG CUỘN  
180

精選雜菜蘑菇拼盤

RAU CỦ  
THẬP CẨM  
150

整切泡菜

KIM CHI  
NGUYÊN BÈ  
160



# 飲料

## THỨC UỐNG

### 清爽飲品 NƯỚC GIẢI KHÁT

|                         |                            |     |
|-------------------------|----------------------------|-----|
| 蘆薈洛神花茶                  | TRÀ HOA DÂM BỤT VÀ NHA ĐAM | 140 |
| 抹茶椰子冰                   | MATCHA NƯỚC DỪA            | 140 |
| 百香果芒果茶                  | TRÀ XOÀI CHANH DÂY         | 140 |
| 荔枝玫瑰花茶                  | TRÀ VẢI HOA HỒNG           | 120 |
| 鮮榨果汁                    | NƯỚC TRÁI CÂY              |     |
| 椰子 - DỪA TRÁI           |                            | 130 |
| 西瓜   橙子 - DỪA HẤU   CAM |                            | 120 |
| 汽水                      | NƯỚC NGỌT                  | 70  |

### 瓶裝水 NƯỚC ĐÓNG CHAI

|                                         | 500ML | 750ML |
|-----------------------------------------|-------|-------|
| 普娜   圣培露 - ACQUA PANNA   SAN PELLEGRINO | 140   | 160   |

### 咖啡 & 茶 CÀ PHÊ & TRÀ

|      |            |     |
|------|------------|-----|
| 拿鐵   | LATTE      | 95  |
| 美式咖啡 | AMERICANO  | 85  |
| 普洱茶  | PU ER TEA  | 145 |
| 烏龍茶  | OOLONG TEA | 100 |



# 飲料

## THỨC UỐNG

所有價格需加收適用之增值稅及 5% 服務費  
Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT được qui định và 5% phí phục vụ

### 燒酒 & 米酒 SOJU & RƯỢU GẠO

|             |                       |       |
|-------------|-----------------------|-------|
| 燒酒25度       | RƯỢU SOJU HWAYO 25°   | 1,600 |
| 燒酒17度       | RƯỢU SOJU HWAYO 17°   | 1,000 |
| 初飲初樂        | CHUM CHURUM           | 220   |
| 真露鮮露        | CHAMISUL              | 250   |
| SAERO - 原味  | SAERO VỊ TRUYỀN THỐNG | 250   |
| SAERO - 荔枝味 | SAERO VỊ VẢI          | 250   |
| 傳統米酒        | RƯỢU GẠO TRUYỀN THỐNG | 270   |

### 啤酒 BIA

|                   |     |
|-------------------|-----|
| 老虎 TIGER          | 90  |
| 西貢 SAIGON SPECIAL | 90  |
| 喜力 HEINEKEN       | 120 |
| 青島 TSINGTAO       | 130 |

### 葡萄酒 RƯỢU VANG

|  | GLS | BTL |
|--|-----|-----|
|--|-----|-----|

|                                                                                           |     |       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|
| 氣泡酒 VANG SỦI BỌT                                                                          |     |       |
| BOTTEGA, MILLESIMATO BRUT, ITALY                                                          |     | 1,380 |
| 紅酒 VANG ĐỎ                                                                                |     |       |
| CANAPI, NERO D'AVOLA, DOC, SICILIA, ITALY                                                 | 240 | 1,100 |
| CHÂTEAU LOS BOLDOS TRADITION RESERVE CABERNET SAUVIGNON, CHILE                            | 280 | 1,300 |
| 白酒 VANG TRẮNG                                                                             |     |       |
| PEDRO LUIS, SAUVIGNON BLANC, DO JUMILLA, SPAIN                                            | 200 | 950   |
| DE BORTOLI, DB FAMILY SELECTION SEMILLON CHARDONNAY, RIVERINA, NEW SOUTH WALES, AUSTRALIA | 220 | 1,000 |